

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT PHÙNG KHẮC KHOAN - THẠCH THẮT
KẾT QUẢ THI HSG KHỐI 10, 11 NĂM HỌC 2019-2020

**Ghi chú: HS có nguyện vọng phúc khảo bài thi cần làm đơn theo mẫu,
gửi về phòng Văn thư hoặc Thầy Quang, cô Minh (muộn nhất 17h00 28/5/2020)**

T T	SBD	Họ tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Chiều	Điểm	Ghi chú
1	VL1101	Cần Thu An	11A8	Nữ	24-10-2003	P6	Vật lí11		
2	VL1102	Hoàng Thị Mai Anh	11A12	Nữ	02-10-2003	P6	Vật lí11	10.00	
3	VL1103	Nguyễn Hoàng Hà Anh	11A12	Nữ	22-09-2003	P6	Vật lí11	11.00	
4	VL1104	Nguyễn Khánh Cường	11A13	Nam	20-07-2003	P6	Vật lí11	14.50	
5	VL1105	Đặng Trung Đô	11A12	Nam	30-05-2003	P6	Vật lí11	20.00	
6	VL1106	Phan Thị Hằng	11A12	Nữ	22-06-2003	P6	Vật lí11	11.00	
7	VL1107	Đặng Trung Huy	11A8	Nam	29-04-2003	P6	Vật lí11	6.00	
8	VL1108	Nguyễn Thị Thanh Huyền	11A12	Nữ	13-04-2003	P6	Vật lí11	11.00	
9	VL1109	Cần Thị Linh	11A8	Nữ	17-07-2003	P6	Vật lí11	11.50	
10	VL1110	Nguyễn Thanh Loan	11A12	Nữ	30-08-2003	P6	Vật lí11	17.50	
11	VL1111	Nguyễn Thị Loan	11A12	Nữ	07-05-2003	P6	Vật lí11	15.50	
12	VL1112	Chu Thị Tuyết Mai	11A8	Nữ	25-06-2003	P6	Vật lí11	12.50	
13	VL1113	Nguyễn Bích Ngọc	11A12	Nữ	22-12-2003	P6	Vật lí11	14.20	
14	VL1114	Nguyễn Thị Minh Ngọc	11A12	Nữ	05-08-2003	P6	Vật lí11	12.00	
15	VL1115	Nguyễn Thị Minh Ngọc	11A8	Nữ	27-03-2003	P6	Vật lí11	16.00	
16	VL1116	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11A12	Nữ	01-09-2003	P6	Vật lí11	16.00	
17	VL1117	Nguyễn Duy Phan	11A12	Nam	02-07-2003	P6	Vật lí11	15.50	
18	VL1118	Đỗ Thế Phong	11A8	Nam	11-10-2003	P6	Vật lí11	7.50	
19	VL1119	Nguyễn Kiều Phong	11A12	Nam	09-07-2003	P6	Vật lí11	11.00	
20	VL1120	Nguyễn Thị Như Quỳnh	11A12	Nữ	03-11-2003	P6	Vật lí11		
21	VL1121	Đặng Hoàng Quý	11A12	Nam	15-12-2003	P6	Vật lí11	14.50	
22	VL1122	Nguyễn Thị Anh Tâm	11A12	Nữ	14-01-2003	P6	Vật lí11	12.50	
23	VL1123	Kiều Văn Thật	11A8	Nam	01-11-2003	P7	Vật lí11	11.50	
24	VL1124	Chu Thị Mai Trang	11A13	Nữ	02-04-2003	P7	Vật lí11	3.50	
25	VL1125	Nguyễn Huyền Trang	11A8	Nữ	20-11-2003	P7	Vật lí11	9.00	
26	VL1126	Nguyễn Hồng Trà	11A8	Nữ	28-02-2003	P7	Vật lí11	7.00	
27	VL1127	Nguyễn Kiều Uyên	11A8	Nữ	31-10-2003	P7	Vật lí11	10.00	
28	VL9901	Nguyễn Lan Anh	11A8	Nữ	10-09-2003	P7	Vật lí11	10.50	
1	VL1128	Đỗ Việt Anh	10A8	Nam	22-09-2004	P7	Vật lí10	14.00	
2	VL1129	Nguyễn Nam Anh	10A8	Nam	18-02-2004	P7	Vật lí10	5.50	
3	VL1130	Nguyễn Ngọc Anh	10A8	Nữ	02-04-2004	P7	Vật lí10	14.50	
4	VL1131	Nguyễn Thị Lan Anh	10A12	Nữ	07-01-2004	P7	Vật lí10	5.25	
5	VL1132	Nguyễn Tuấn Anh	10A8	Nam	22-08-2004	P7	Vật lí10	4.50	
6	VL1133	Nguyễn Xuân Bách	10A12	Nam	10-03-2004	P7	Vật lí10	7.50	
7	VL1134	Vũ Thị Bích	10A8	Nữ	01-01-2004	P7	Vật lí10	16.00	
8	VL1135	Nguyễn Đức Cường	10A14	Nam	16-12-2004	P7	Vật lí10		
9	VL1136	Đặng Quang Duy	10A12	Nam	06-03-2004	P7	Vật lí10	10.00	

T T	SBD	Họ tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Chiều	Điểm	Ghi chú
10	VL1137	Nguyễn Duy Đạt	10A5	Nam	12-12-2004	P7	Vật lí10	3.00	
11	VL1138	Nguyễn Quốc Đạt	10A12	Nam	08-08-2004	P7	Vật lí10	10.75	
12	VL1139	Phùng Đức Đăng	10A8	Nam	25-08-2004	P7	Vật lí10	10.75	
13	VL1140	Phan Gia Đô	10A12	Nam	11-07-2004	P7	Vật lí10	7.50	
14	VL1141	Đỗ Văn Giáp	10A7	Nam	28-03-2004	P7	Vật lí10	7.25	
15	VL1142	Nguyễn Thị Thu Hằng	10A8	Nữ	25-03-2004	P7	Vật lí10	5.50	
16	VL1143	Đỗ Thị Thanh Hiền	10A8	Nữ	07-01-2004	P7	Vật lí10	7.50	
17	VL1144	Phan Việt Hoàng	10A9	Nam	13-07-2004	P7	Vật lí10	4.50	
18	VL1145	Phí Quang Huy	10A7	Nam	15-10-2004	P8	Vật lí10	5.50	
19	VL1146	Đỗ Hữu Kiên	10A12	Nam	07-02-2004	P8	Vật lí10	5.75	
20	VL1147	Nguyễn Trung Kiên	10A12	Nam	24-12-2004	P8	Vật lí10	11.00	
21	VL1148	Phan Nhật Linh	10A8	Nữ	14-10-2004	P8	Vật lí10	10.00	
22	VL1149	Chu Văn Long	10A3	Nam	03-12-2004	P8	Vật lí10	4.00	
23	VL1150	Nguyễn Đức Lương	10A8	Nam	22-01-2004	P8	Vật lí10	5.25	
24	VL1151	Lê Văn Minh	10A12	Nam	03-12-2004	P8	Vật lí10	11.25	
25	VL1152	Nguyễn Đức Nam	10A6	Nam	04-03-2004	P8	Vật lí10	7.00	
26	VL1153	Nguyễn Khánh Phương	10A5	Nữ	11-10-2004	P8	Vật lí10	10.50	
27	VL1154	Nguyễn Ngọc Phương	10A12	Nam	16-06-2004	P8	Vật lí10	6.00	
28	VL1155	Phùng Minh Phương	10A12	Nữ	05-04-2004	P8	Vật lí10	6.50	
29	VL1156	Phan Ích Quang	10A7	Nam	17-11-2003	P8	Vật lí10	11.50	
30	VL1157	Nguyễn Đình Quyền	10A12	Nam	01-09-2004	P8	Vật lí10	16.75	
31	VL1158	Đỗ Hữu Sáng	10A5	Nam	07-10-2004	P8	Vật lí10	6.75	
32	VL1159	Nguyễn Hữu Thành	10A8	Nam	14-01-2004	P8	Vật lí10	8.50	
33	VL1160	Hồ Thị Thiết	10A7	Nữ	22-10-2004	P8	Vật lí10	6.50	
34	VL1161	Nguyễn Đức Thuận	10A12	Nam	14-10-2004	P8	Vật lí10		
35	VL1162	Vũ Lê Anh Thư	10A8	Nữ	01-03-2004	P8	Vật lí10	15.00	
36	VL1163	Nguyễn Trọng Tiến	10A8	Nam	06-11-2004	P8	Vật lí10	10.75	
37	VL1164	Chu Quốc Tuấn	10A8	Nam	28-07-2004	P8	Vật lí10	13.50	
38	VL1165	Kiều Anh Tú	10A7	Nam	17-11-2004	P8	Vật lí10	8.25	
39	VL1166	Nguyễn Quốc Việt	10A8	Nam	29-08-2004	P8	Vật lí10	8.50	
40	VL1167	Nguyễn Đức Cường	10A14	Nam	16-12-2004	P8	Vật lí10	5.50	
1	TH1101	Nguyễn Tuấn Đồng	11A6	Nam	19-07-2003	P Máy	Tin học11	1.00	
2	TH1102	Đặng Thị Thanh Mai	11A8	Nữ	02-07-2003	P Máy	Tin học11	13.50	
3	TH1103	Phùng Thị Phương Trang	11A5	Nữ	29-11-2003	P Máy	Tin học11	4.00	
4	TH1104	Đặng Thị Thanh Trúc	11A8	Nữ	02-07-2003	P Máy	Tin học11	15.00	
1	TH1001	Kiều Huy Đạt	10A8	Nam	14-04-2004	P9	Tin học10	4.00	
2	TH1002	Đặng Cao Huy	10A5	Nam	20-01-2002	P9	Tin học10	5.00	
3	TH1003	Nguyễn Thị Thu Hương	10A11	Nữ	30-10-2004	P9	Tin học10	7.00	
4	TH1004	Đỗ Văn Trường	10A8	Nam	02-03-2004	P9	Tin học10	11.00	
5	TH1005	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10A12	Nữ	15-09-2004	P9	Tin học10	14.00	
1	SH1101	Đỗ Thị Thùy Dung	11A12	Nữ	12-11-2003	P9	Sinh học11	10.50	
2	SH1102	Phan Thị Bích Dung	11A12	Nữ	22-07-2003	P9	Sinh học11	13.00	

T T	SBD	Họ tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Chiều	Điểm	Ghi chú
3	SH1103	Phan Thị Thuỳ Dung	11A1	Nữ	26-07-2003	P9	Sinh học11	12.50	
4	SH1104	Nguyễn Thu Huyền	11A12	Nữ	05-09-2003	P9	Sinh học11	7.50	
5	SH1105	Nguyễn Thị Thùy Liên	11A5	Nữ	27-08-2003	P9	Sinh học11	14.00	
6	SH1106	Vũ Thị Linh	11A12	Nữ	27-08-2003	P9	Sinh học11	15.25	
7	SH1107	Nguyễn Thị Hiền Mai	11A12	Nữ	30-06-2003	P9	Sinh học11	16.50	
8	SH1108	Cần Xuân Quyền	11A8	Nam	25-04-2003	P9	Sinh học11	13.25	
1	SH1001	Vương Thị Hải Anh	10A7	Nữ	21-03-2004	P9	Sinh học10	9.50	
2	SH1002	Nguyễn Minh Đạt	10A8	Nam	06-09-2004	P9	Sinh học10	11.50	
3	SH1003	Đặng Thị Linh Giang	10A8	Nữ	16-06-2004	P9	Sinh học10	11.75	
4	SH1004	Nguyễn Thị Thanh Hảo	10A8	Nữ	13-08-2004	P9	Sinh học10	15.25	
5	SH1005	Nguyễn Hoàng Khuê	10A12	Nam	20-11-2004	P9	Sinh học10		
6	SH1006	Nguyễn Văn Hiếu Nam	10A6	Nam	04-09-2004	P9	Sinh học10	11.75	
7	SH1007	Nguyễn Thị Thanh Ngân	10A6	Nữ	20-08-2004	P9	Sinh học10	14.50	
8	SH1008	Nguyễn An Ninh	10A7	Nam	04-07-2004	P9	Sinh học10	10.00	
9	SH1009	Chu Thị Bích Phương	10A8	Nữ	08-11-2004	P9	Sinh học10	14.50	
10	SH1010	Vũ Thị Thuỷ Tiên	10A8	Nữ	08-12-2003	P9	Sinh học10	11.50	
11	SH1011	Nguyễn Đức Trung	10A12	Nam	14-11-2004	P9	Sinh học10	13.25	
12	SH1012	Nguyễn Thị Yên	10A12	Nữ	01-04-2004	P9	Sinh học10	16.25	
13	SH1013	Nguyễn Thị Yên	10A11	Nữ	08-09-2004	P9	Sinh học10	10.00	
1	NV1101	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	11A5	Nữ	20-10-2003	P1	Ngữ Văn11	8.00	
2	NV1102	Nguyễn Thị Vân Anh	11A8	Nữ	14-12-2003	P1	Ngữ văn11	10.00	
3	NV1103	Phan Thị Ngọc Diệp	11A5	Nữ	25-10-2003	P1	Ngữ Văn11	9.00	
4	NV1104	Phí Thị Thùy Dương	11A5	Nữ	01-10-2003	P1	Ngữ Văn11	12.00	
5	NV1105	Nguyễn Thị Giang	11A12	Nữ	26-01-2003	P1	Ngữ Văn11	11.00	
6	NV1106	Nguyễn Thị Hảo	11A6	Nữ	27-05-2003	P1	Ngữ Văn11	8.00	
7	NV1107	Cần Thị Hằng	11A8	Nữ	12-01-2003	P1	Ngữ văn11		
8	NV1108	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11A9	Nữ	18-12-2003	P1	Ngữ Văn11	10.00	
9	NV1109	Phan Thị Huyền	11A5	Nữ	24-11-2003	P1	Ngữ Văn11	9.00	
10	NV1110	Đỗ Thị Thu Hương	11A5	Nữ	01-03-2003	P1	Ngữ Văn11	9.00	
11	NV1111	Kiều Thị Lan Hương	11A5	Nữ	13-09-2003	P1	Ngữ Văn11	12.00	
12	NV1112	Kiều Thị Hường	11A8	Nữ	03-01-2003	P1	Ngữ văn11	9.00	
13	NV1113	Kiều Thu Hường	11A12	Nữ	12-05-2003	P1	Ngữ Văn11	7.00	
14	NV1114	Cao Thị Hà Linh	11A5	Nữ	22-06-2003	P1	Ngữ Văn11	13.00	
15	NV1115	Nguyễn Thị Khánh Linh	11A5	Nữ	14-04-2003	P1	Ngữ Văn11	9.00	
16	NV1116	Nguyễn Thùy Linh	11A11	Nữ	15-07-2003	P1	Ngữ Văn11	9.00	
17	NV1117	Chu Khánh Ly	11A5	Nữ	07-01-2003	P1	Ngữ Văn11	16.00	
18	NV1118	Nguyễn Thị Hoài Ly	11A11	Nữ	09-06-2003	P1	Ngữ Văn11	8.00	
19	NV1119	Nguyễn Thị Tuyết Mai	11A5	Nữ	07-10-2003	P1	Ngữ Văn11	9.00	
20	NV1120	Phùng Thị Tuyết Mai	11A9	Nữ	01-02-2003	P1	Ngữ Văn11	17.00	
21	NV1121	Phan Văn Minh	11A11	Nam	10-11-2003	P1	Ngữ Văn11	5.00	
22	NV1122	Nguyễn Huyền My	11A9	Nữ	26-07-2003	P1	Ngữ Văn11	9.00	
23	NV1123	Chu Hoài Nam	11A9	Nam	28-02-2003	P1	Ngữ Văn11	8.00	

T T	SBD	Họ tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Chiều	Điểm	Ghi chú
24	NV1124	Nguyễn Thị Ngân	11A5	Nữ	26-09-2003	P1	Ngũ Văn11	9.00	
25	NV1125	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11A12	Nữ	16-11-2003	P2	Ngũ Văn11		
26	NV1126	Kiều Thu Phương	11A5	Nữ	12-03-2003	P2	Ngũ Văn11	9.00	
27	NV1127	Nghiêm Thị Thu Phương	11A9	Nữ	05-02-2003	P2	Ngũ Văn11	6.00	
28	NV1128	Nguyễn Thị Mai Phương	11A5	Nữ	17-07-2003	P2	Ngũ Văn11	14.00	
29	NV1129	Phùng Như Quỳnh	11A5	Nữ	24-11-2003	P2	Ngũ Văn11	9.00	
30	NV1130	Nguyễn Thị Thanh	11A5	Nữ	30-08-2003	P2	Ngũ Văn11	9.00	
31	NV1131	Phùng Thị Thanh	11A7	Nữ	06-11-2003	P2	Ngũ Văn11	9.00	
32	NV1132	Kiều Phương Thảo	11A5	Nữ	19-08-2003	P2	Ngũ Văn11	10.00	
33	NV1133	Nguyễn Thanh Thảo	11A9	Nữ	02-08-2003	P2	Ngũ Văn11	6.00	
34	NV1134	Tạ Thị Minh Thảo	11A9	Nữ	14-07-2003	P2	Ngũ Văn11	8.00	
35	NV1135	Nguyễn Thị Thùy	11A5	Nữ	18-08-2003	P2	Ngũ Văn11	9.00	
36	NV1136	Chu Thùy Trang	11A5	Nữ	05-06-2003	P2	Ngũ Văn11	8.00	
37	NV1137	Nguyễn Thu Trang	11A4	Nữ	17-07-2003	P2	Ngũ Văn11		
38	NV1138	Phan Thu Trà	11A5	Nữ	26-11-2003	P2	Ngũ Văn11	13.00	
39	NV1139	Phí Thị Hồng Vân	11A12	Nữ	23-06-2003	P2	Ngũ Văn11	9.00	
40	NV1140	Chu Thị Bảo Yến	11A12	Nữ	20-08-2003	P2	Ngũ Văn11	8.00	
41	NV1141	Nguyễn Thị Yến	11A9	Nữ	01-03-2003	P2	Ngũ Văn11	9.00	
42	NV1142	Nguyễn Thị Hải Yến	11A5	Nữ	01-03-2003	P2	Ngũ Văn11	9.00	
43	NV1143	Nghiêm Đỗ Khánh Ly	11A4	Nữ	27-11-2003	P2	Ngũ Văn11	8.00	
44	NV1144	Vũ Thị Huyền Trang	11A4	Nữ	18-11-2003	P2	Ngũ Văn11	9.00	
1	NV1001	Nguyễn Thị Mỹ Anh	10A5	Nữ	07-03-2004	P2	Ngũ Văn10	12.50	
2	NV1002	Đỗ Minh Ánh	10A8	Nam	14-09-2004	P2	Ngũ Văn10	8.00	
3	NV1003	Đỗ Đức Đạt	10A6	Nam	12-12-2004	P2	Ngũ văn10	10.50	
4	NV1004	Đỗ Ngọc Hà	10A6	Nữ	30-06-2004	P2	Ngũ văn10	12.50	
5	NV1005	Nguyễn Thị Thu Hiền	10A6	Nữ	08-11-2004	P2	Ngũ văn10	15.50	
6	NV1006	Nguyễn Thu Hiền	10A10	Nữ	22-09-2004	P2	Ngũ Văn10	14.25	
7	NV1007	Nguyễn Thị Thu Huyền	10A9	Nữ	01-10-2004	P3	Ngũ Văn10	12.50	
8	NV1008	Nguyễn Thị Lan Hương	10A5	Nữ	02-03-2004	P3	Ngũ Văn10	15.50	
9	NV1009	Nguyễn Thị Lan Hương	10A9	Nữ	13-07-2004	P3	Ngũ Văn10	12.00	
10	NV1010	Lê Minh Khuê	10A12	Nữ	08-03-2004	P3	Ngũ Văn10	16.00	
11	NV1011	Phùng Thị Mai Lan	10A12	Nữ	08-09-2004	P3	Ngũ Văn10		
12	NV1012	Chu Quang Linh	10A6	Nam	01-06-2004	P3	Ngũ văn10	9.00	
13	NV1013	Nguyễn Thùy Linh	10A14	Nữ	13-09-2004	P3	Ngũ Văn10	15.25	
14	NV1014	Vũ Thùy Linh	10A9	Nữ	27-07-2004	P3	Ngũ Văn10	13.75	
15	NV1015	Đỗ Thị Loan	10A11	Nữ	03-10-2004	P3	Ngũ Văn10		
16	NV1016	Nguyễn Thị Thu Minh	10A14	Nữ	05-03-2004	P3	Ngũ Văn10	13.00	
17	NV1017	Vương Thị Hải Ngọc	10A10	Nữ	24-07-2004	P3	Ngũ Văn10	13.00	
18	NV1018	Nguyễn Thị Thu Nhân	10A9	Nữ	22-02-2004	P3	Ngũ Văn10	16.50	
19	NV1019	Lê Thị Tú Oanh	10A5	Nữ	27-09-2004	P3	Ngũ Văn10	17.00	
20	NV1020	Nguyễn Hà Oanh	10A4	Nữ	05-11-2004	P3	Ngũ Văn10	11.50	
21	NV1021	Nguyễn Thị Hà Phương	10A6	Nữ	24-01-2004	P3	Ngũ văn10	12.50	

T T	SBD	Họ tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Chiều	Điểm	Ghi chú
22	NV1022	Nguyễn Thị Thu Phương	10A2	Nữ	08-10-2004	P3	Ngữ Văn10	13.00	
23	NV1023	Cần Thị Ngọc Quyên	10A5	Nữ	02-08-2004	P3	Ngữ Văn10	16.25	
24	NV1024	Cần Thị Ngọc Quỳnh	10A5	Nữ	19-12-2004	P3	Ngữ Văn10	15.75	
25	NV1025	Nguyễn Thị Quỳnh	10A5	Nữ	28-01-2004	P3	Ngữ Văn10	15.75	
26	NV1026	Nguyễn Thị Thanh Tâm	10A9	Nữ	11-02-2004	P3	Ngữ Văn10	16.75	
27	NV1027	Nguyễn Phương Thanh	10A5	Nữ	11-08-2004	P3	Ngữ Văn10	16.50	
28	NV1028	Phí Thị Thanh Thảo	10A1	Nữ	22-11-2004	P3	Ngữ Văn10	13.00	
29	NV1029	Phan Thị Phương Trinh	10A9	Nữ	21-10-2004	P3	Ngữ Văn10	15.00	
30	NV1030	Kiều Thị Thanh Tuyền	10A8	Nữ	21-10-2004	P3	Ngữ Văn10	14.25	
31	NV1031	Nguyễn Thị Huyền Vi	10A8	Nữ	23-02-2004	P3	Ngữ Văn10	17.50	
32	VV1080	Nguyễn Thị Huyền Anh	10A5	Nữ	03-01-2004	P3	Ngữ Văn10	14.50	
33	VV1081	Nguyễn Thu Huyền	10A9	Nữ	28-12-2004	P3	Ngữ Văn10	16.75	
34	VV1082	Nguyễn Kiều Trang	10A9	Nữ	07-12-2004	P3	Ngữ Văn10	17.00	
35	VV1083	Lê Thị Quỳnh	10A7	Nữ	12-04-2004	P3	Ngữ Văn10	13.00	
1	NV1032	Nguyễn Tuyết Anh	11A8	Nữ	06-10-2003	P4	Hóa học11	7.00	
2	NV1033	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	11A8	Nữ	20-10-2003	P4	Hóa học11	7.00	
3	NV1034	Nguyễn Văn Đạt	11A12	Nam	15-02-2003	P4	Hóa học11	8.00	
4	NV1035	Nguyễn Anh Đức	11A8	Nam	01-11-2003	P4	Hóa học11	15.50	
5	NV1036	Phan Thị Hạnh	11A8	Nữ	02-10-2003	P4	Hóa học11	11.35	
6	NV1037	Nguyễn Nam Khánh	11A12	Nam	17-06-2003	P4	Hóa học11	6.50	
7	NV1038	La Khánh Linh	11A12	Nữ	25-03-2003	P4	Hóa học11	6.50	
8	NV1039	Nguyễn Phương Linh	11A12	Nữ	20-11-2003	P4	Hóa học11	5.00	
9	NV1040	Nguyễn Thị Khánh Linh	11A8	Nữ	12-12-2003	P4	Hóa học11	5.25	
10	NV1041	Nguyễn Hoàng Long	11A1	Nam	06-02-2003	P4	Hóa học11	6.50	
11	NV1042	Phí Ngọc Mai	11A8	Nữ	07-09-2003	P4	Hóa học11	7.50	
12	NV1043	Phùng Thị Mai	11A8	Nữ	14-11-2003	P4	Hóa học11	12.25	
13	NV1044	Nguyễn Bích Ngọc	11A12	Nữ	30-07-2003	P4	Hóa học11	16.25	
14	NV1045	Dương Minh Quân	11A8	Nam	12-01-2003	P4	Hóa học11	12.00	
15	NV1046	Vũ Hoàng Sơn	11A7	Nam	14-01-2003	P4	Hóa học11	12.00	
16	NV1047	Nguyễn Phương Thảo	11A8	Nữ	24-07-2003	P4	Hóa học11	14.75	
17	NV1048	Phan Thị Minh Thư	11A8	Nữ	07-06-2003	P4	Hóa học11	6.00	
18	NV1049	Nguyễn Thị Thu Trang	11A8	Nữ	15-10-2003	P4	Hóa học11	9.50	
19	NV1050	Nguyễn Huy Tuyền	11A12	Nam	22-11-2003	P4	Hóa học11	12.50	
1	NV1051	Đỗ Nguyên Anh	10A12	Nữ	04-10-2004	P4	Hóa học10	10.00	
2	NV1052	Đỗ Thị Lan Anh	10A8	Nữ	10-11-2004	P4	Hóa học10	15.50	
3	NV1053	Nguyễn Quỳnh Anh	10A12	Nữ	24-12-2004	P4	Hóa học10	7.50	
4	NV1054	Nguyễn Thị Minh Anh	10A12	Nữ	10-02-2004	P4	Hóa học10	12.00	
5	NV1055	Phan Văn Duy Anh	10A8	Nam	17-03-2004	P4	Hóa học10	15.50	
6	NV1056	Đặng Thị Nguyệt Ánh	10A5	Nữ	22-07-2004	P4	Hóa học10	13.00	
7	NV1057	Phan Thị Ngọc Ánh	10A7	Nữ	20-06-2004	P4	Hóa học10	15.00	
1	NV1058	Nguyễn Bích Phương	11a13	Nữ	17-07-2004	P4	Hóa học11	5.00	
1	NV1058	Nguyễn Duy Đăng Bảng	10A12	Nam	14-12-2004	P5	Hóa học10	11.50	

T T	SBD	Họ tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Chiều	Điểm	Ghi chú
2	NV1059	Nguyễn Duy Chính	10A8	Nam	03-11-2004	P5	Hóa học10	9.50	
3	NV1060	Nguyễn Tiến Đạt	10A6	Nam	06-10-2004	P5	Hóa học10	12.00	
4	NV1061	Nguyễn Thùy Giang	10A7	Nữ	24-12-2004	P5	Hóa học10	5.75	
5	NV1062	Cần Thị Thanh Hiền	10A8	Nữ	14-05-2004	P5	Hóa học10	14.50	
6	NV1063	Cần Quang Hiền	10A6	Nam	13-05-2004	P5	Hóa học10	3.00	
7	NV1064	Kiều Trung Hiếu	10A8	Nam	29-07-2004	P5	Hóa học10	14.50	
8	NV1065	Nguyễn Việt Hoàng	10A6	Nam	31-03-2004	P5	Hóa học10	3.50	
9	NV1066	Phan Thị Mỹ Huyền	10A8	Nữ	28-09-2004	P5	Hóa học10	9.00	
10	NV1067	Nguyễn Đăng Khoa	10A8	Nam	11-01-2004	P5	Hóa học10	8.00	
11	NV1068	Vũ Hữu Khoa	10A12	Nam	19-05-2004	P5	Hóa học10	7.00	
12	NV1069	Nguyễn Hoàng Lương	10A6	Nam	28-09-2004	P5	Hóa học10	11.75	
13	NV1070	Nguyễn Thị Hương Ly	10A8	Nữ	16-03-2004	P5	Hóa học10	14.25	
14	NV1071	Phan Ngọc Mai	10A8	Nữ	24-11-2004	P5	Hóa học10	9.50	
15	NV1072	Phí Đình Mạnh	10A12	Nam	28-11-2004	P5	Hóa học10	9.50	
16	NV1073	Nguyễn Thị Trà My	10A12	Nữ	20-01-2004	P5	Hóa học10	7.00	
17	NV1074	Tạ Kim Oanh	10A8	Nữ	04-01-2004	P5	Hóa học10	16.50	
18	NV1075	Phan Lạc Quang	10A8	Nam	15-08-2004	P5	Hóa học10	14.50	
19	NV1076	Đỗ Đàm Quân	10A12	Nam	08-12-2004	P5	Hóa học10	5.00	
20	NV1077	Chu Tiến Quyết	10A6	Nam	09-05-2004	P5	Hóa học10	1.00	
21	NV1078	Nguyễn Đình Thành	10A8	Nam	28-06-2004	P5	Hóa học10	11.00	
22	NV1079	Đỗ Huy Thái	10A12	Nam	16-05-2004	P5	Hóa học10	12.25	
23	NV1080	Phí Thị Thu Trang	10A12	Nữ	13-05-2004	P5	Hóa học10	8.00	
24	NV1081	Nguyễn Huy Trung	10A6	Nam	11-09-2004	P5	Hóa học10	3.00	
25	NV1082	Cần Hà Vi	10A12	Nữ	13-05-2004	P5	Hóa học10	15.50	
26	NV1083	Phan Quang Vinh	10A13	Nam	16-06-2004	P5	Hóa học10		
27	HH9801	Vũ Thị Trà	10A12	Nữ	18-07-2004	P5	Hóa học10	10.50	